TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11/10/2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị An
- Các Hội thẩm nhân dân:
1 Ông Đinh Quốc Việt
2, Bà Dương Thị Thu Hằng
- Thư ký phiên tòa: Bà N Triệu Cẩm Chi – Thư ký TAND huyện Đồng Hỷ
- **Đại diện VKSND huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa**: Ông Bùi Đức Minh - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 132/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Chị Phương Thị N - sinh năm 1985
(*có mặt tại phiên tòa)*

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T - sinh năm 1982
(*vắng mặt tại phiên tòa)*

HKTT: Xóm B, xã T, huyện Đ, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 03/7/2018 , bản tự khai ngày 05/7/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phương Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H huyện Đ, tỉnh T năm 2003. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc trong khoảng 03 năm đầu thì nảy sinh mâu thuẫn do anh T hay đi làm ăn xa, nay đây mai đó dẫn đến ham mê cờ bạc, không quan tâm đến vợ con, khi về nhà hay uống rượu say, đánh vợ. Chị đã khuyên anh nhiều lần và nhờ gia đình hai bên, họ hàng khuyên ngăn nhưng không được, thậm chí chính quyền địa phương cũng can thiệp, động viên nhưng anh vẫn chứng nào tật ấy. Từ năm 2016, do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng chị đã sống ly thân, chị về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ đó, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay, chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Hoàng Ân N, sinh ngày 16/11/2003 và Hoàng Ân T, sinh ngày 21/6/2013. Hiện nay cả hai con đang ở với mẹ. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng không có khoản nợ chung nào.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Văn T vắng mặt nên không cung cấp lời khai cho Tòa án. Tuy nhiên, tại các Biên bản xác minh của Tòa án tại địa phương nơi anh T sinh sống, đại diện xóm B, xã T và Công an xã T cho biết, anh T có hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng hiện nay anh T không có mặt ở địa phương, anh thường đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà, địa phương không rõ anh đi làm ở đâu vì anh không khai báo tạm trú, tạm vắng. Về tình trạng hôn nhân, địa phương được biết anh T và chị N xảy ra mâu thuẫn cách đây khoảng 3-4 năm, nguyên nhân do anh T hay uống rượu và chơi cờ bạc, về nhà đánh vợ. Từ khoảng nửa năm nay, vợ chồng đã sống ly thân. Gia đình anh T chỉ có vợ chồng và 2 con dưới 18 tuổi sinh sống, hiện không có ai khác cùng chung sống.

Tại đơn đề nghị của cháu Hoàng Ân N sinh năm 2003, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ cháu ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều: 21, 28, 35, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phương Thị N, cho chị N được ly hôn anh T. Về con chung: giao cả hai con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T vì chị N không yêu cầu. Về tài sản: Không giải quyết. Về án phí: chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.] **Về tố tụng**: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Trong vụ án này, bị đơn thường trú tại xóm B, xã T, huyện Đ, tỉnh T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến để cung cấp lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi niêm yết, bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã hai lần niêm yết giấy triệu tập phiên tòa cho bị đơn nhưng tại phiên tòa lần thứ hai, anh T vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Hoàng Văn T.

[2.] Về nội dung: Chị Phương Thị N và anh Hoàng Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên năm 2003 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ thông tin do địa phương nơi anh T và chị N chung sống cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, có cơ sở xác định: Chị N và anh T đã chung sống vui vẻ, hạnh phúc trong những năm đầu sau khi kết hôn, sau đó do mâu thuẫn vợ chồng nên chị N và anh T đã sống ly thân vài năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không quan tâm đến vợ con, thậm chí có hành vi bạo lực với vợ. Mâu thuẫn trầm trọng nhất từ khoảng nửa năm nay. Điều đó cho thấy, giữa chị N và anh T không còn tình cảm vợ chồng, không còn sự quan tâm, thương yêu nhau nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên cho chị được ly hôn anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng chị N, anh T có 02 con chung là Hoàng Ân N, sinh ngày 16/11/2003 và Hoàng Ân T, sinh ngày 21/6/2013. Hiện nay cả hai con đang ở với mẹ. Cháu N có nguyện vọng ở với mẹ. Cháu Tình dưới 07 tuổi nên Tòa án không xem xét ý kiến của con. Chị N có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng, do anh T vắng mặt, không có ý kiến gì nên không có căn cứ giao con cho anh T. Xét nguyện vọng nuôi con của chị N là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của con trên 07 tuổi nên cần thiết giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T vì chị N không yêu cầu. Sau khi ly hôn, các đương sự có quyền thỏa thuận lại hoặc có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con nếu thấy cần thiết.

Về tài sản chung,nợ chung: Chị N xác định không có. Phía bị đơn anh T không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phương Thị N đối với anh Hoàng Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phương Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Hoàng Ân N, sinh ngày 16/11/2003 và Hoàng Ân T, sinh ngày 21/6/2013. Giao cả hai con là cháu Hoàng Ân N và cháu Hoàng Ân T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T vì chị N không yêu cầu. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

*** Án phí:** Chị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp ngày 05/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai số 0016063.

Chị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi Cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã H, H.Đ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vũ Thị An